

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 28-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu
- Ông Huỳnh Văn Rô

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Chăm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thanh Nh sinh năm 1972; trú tại: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Trà Vinh.

+ **Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Nh:** là ông Dương Văn Kh sinh năm 1970 trú tại: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- **Bị đơn:**

1/. Ông Lê Quốc K sinh năm 1975; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2/. Ông Lê Quốc H sinh năm 1982; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

3/. Bà Nguyễn Thị U sinh năm 1987; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

4/. Bà Võ Thị L sinh năm 1980; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và lời khai tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Nh là ông Dương Văn Kh trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 15/8/2022 ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc H, bà Nguyễn Thị U và bà Võ Thị L cùng trú ấp M, xã N, thị xã P có đến nhà bà Nh làm Đại lý thức ăn N để mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản phục vụ cho việc nuôi tôm. Ngoài ra trước đó ông K, ông H, bà U và bà L có vay số tiền 30.000.000 đồng, không có thoả thuận tiền lãi và thời hạn trả nợ. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng ông K, ông H, bà U và bà L không thanh toán tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản cũng như tiền vay theo thoả thuận.

Đến năm 2023 bà Nh khởi kiện ông K, ông H, bà U và bà L, tại Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải, tại Toà án các bên đã tự nguyện tự thoả thuận và lập tờ cam kết trả tiền mua bán thức ăn và thuốc thuỷ sản cũng như tiền vay ngày 17/10/2023 với nội dung: ông K, ông H, bà U và bà L còn nợ bà số tiền 198.477.000 đồng. Thời gian trả nợ cam kết đến ngày 15/12/2023 âm lịch trả một lần bằng 170.000.000 đồng thì sẽ được chiết khấu 28.477.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 15/12/2023 âm lịch không trả được một lần như cam kết bằng 170.000.000 đồng thì ông K, bà H, bà U và bà L đồng ý trả đủ số tiền 198.477.000 đồng, trả số tiền 198.477.000 đồng này 02 lần: lần 1 ngày 15/12/2023 âm lịch là 99.238.500 đồng; lần 2 ngày 15/02/2024 âm lịch trả 99.238.500 đồng. Sau khi viết tờ cam kết ngày 17/10/2023 thì bà Nh đã rút đơn khởi kiện lại để các bên tự nguyện thoả thuận, tuy nhiên đến nay ông K, ông H, bà U và bà L vẫn không trả nợ cho bà.

Nay ông yêu cầu ông K, ông H, bà U và bà L liên đới trả cho bà Nhanh số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản 168.477.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 17/10/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm; yêu cầu ông K, ông H, bà U và bà L liên đới trả số tiền vay 30.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 17/10/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm. Tại đơn khởi kiện bà Nhanh có yêu cầu tính lãi 20%/năm, nay ông rút lại yêu cầu mức lãi suất 10%/năm đối với khoản tiền mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản và khoản tiền vay chỉ còn yêu cầu mức lãi 10%/năm.

- *Tại phiên toà bị đơn ông Lê Quốc K và bà Võ Thị L trình bày: năm 2022 ông bà cùng ông H, bà U có mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản của bà Nh, ngoài ra gia đình cũng có vay bà Nh 30.000.000 đồng. Năm 2023 bà Nh có khởi kiện ra Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải, các bên đã tự nguyện tự thoả thuận và lập tờ cam kết trả tiền mua bán thức ăn và thuốc thuỷ sản cũng như tiền vay vào ngày*

17/10/2023. Nay ông bà cũng đồng ý cùng ông H và bà U liên đới trả cho bà Nh số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản 168.477.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 17/10/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm và số tiền vay 30.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 17/10/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm.

- Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Nh cung cấp cho Tòa án: Tờ cam kết về việc trả tiền mua thức ăn và tiền mượn 30.000.000 đồng ngày 17/10/2023 được ký kết giữa bà Lê Thị Thanh Nh với ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc H, bà Nguyễn Thị U và bà Võ Thị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng ông H và bà U vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hoà giải được và thông báo kết quả phiên họp cho ông H và bà U được biết. Tuy nhiên ông H, bà U không có ý kiến; không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, tuy nhiên ông H và bà U đều vắng mặt.

Tòa án không có tiến hành thu thập, tài liệu chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn bà Nhanh khởi kiện yêu cầu ông K, ông H, bà U và bà L trả tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi trồng thủy sản và tiền vay; bị đơn ông K, ông H, bà U và bà L có địa chỉ cư trú ấp M, xã N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Phiên tòa được mở lần thứ hai tuy nhiên ông H và bà U đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H và bà U.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nh, Hội đồng xét xử xét thấy: theo chứng cứ nguyên đơn bà Nh cung cấp là Tờ cam kết về việc trả tiền mua thức ăn và tiền mượn 30.000.000 đồng ngày 17/10/2023 được ký kết giữa bà Nh với ông K, ông H, bà U và bà L. Theo tờ cam kết cũng như lời khai tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nh, bị đơn ông K và bà L đã thể hiện: ông K, ông H, bà U và bà L có nợ bà Nhanh số tiền mua bán thức ăn, thuốc

thuỷ sản 168.477.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng. Bà Nh với ông K, ông H, bà U và bà L có cam kết trả nợ cam kết đến ngày 15/12/2023 âm lịch trả một lần bằng 170.000.000 đồng thì sẽ được chiết khấu 28.477.000 đồng; nếu đến ngày 15/12/2023 âm lịch không trả được một lần như cam kết bằng 170.000.000 đồng thì ông K, ông H, bà U và bà L cam kết trả đủ số tiền 198.477.000 đồng và trả số tiền 198.477.000 đồng này 02 lần: lần 1 ngày 15/12/2023 âm lịch là 99.238.500 đồng; lần 2 ngày 15/02/2024 âm lịch trả 99.238.500 đồng. Qua xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn bà Nh, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: ông K, ông H, bà U và bà L còn nợ bà Nh tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản là 168.477.000 đồng và tiền vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 198.477.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H và bà U nhưng đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và bản tự khai, tuy nhiên tại phiên toà ông K và bà L thừa nhận nợ và đồng ý cùng trả nợ cho bà Nh cho nên xem như ông K, ông H, bà U và bà L đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu tính lãi nguyên đơn bà Nh của hợp đồng mua bán, Hội đồng xét xử xét thấy: giữa bà Nh với ông K, ông H, bà U và bà L lập tờ cam kết ngày 17/10/2023 để chốt số tiền nợ 168.477.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện là chậm thực nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 17/10/2023 đối với số tiền 168.477.000 đồng. Tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Do đó về tiền lãi được tính cụ thể như sau: $168.477.000 \text{ đồng} \times 0.83\% = 1.398.359 \text{ đồng/tháng}$ (01 ngày = 46.612 đồng). Như vậy $46.612 \text{ đồng} \times 221 \text{ ngày} = 10.301.252 \text{ đồng}$.

[5] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với hợp đồng vay, Hội đồng xét xử xét thấy: giữa bà Nh với ông K, ông H, bà U và bà L lập tờ cam kết ngày 17/10/2023 để chốt số tiền nợ vay 30.000.00 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện là chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)*”. Do đó về tiền lãi được tính cụ thể như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% = 249.000 \text{ đồng/tháng}$ (01 ngày = 8.300 đồng). Như vậy $8.300 \text{ đồng} \times 221 \text{ ngày} = 1.834.300 \text{ đồng}$.

[6] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông K, ông H, bà U và bà L liên đới trả cho bà Nh số tiền mua thức ăn, thuốc thuỷ sản 168.477.000 đồng và tiền lãi 10.301.252 đồng; tiền vốn vay 30.000.000 đồng và tiền lãi 1.834.300 đồng.

[7] Về rút yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi 10% là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nh đối với yêu cầu tính lãi 10%.

[8] Về án phí: nguyên đơn bà Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo lai thu số 0002251 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn ông K, ông H, bà U và bà L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.530.627 đồng (210.612.552 đồng x 5 %).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440, 470 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thanh Nh.

- Buộc ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc H, bà Nguyễn Thị U và bà Võ Thị L liên đới trả cho bà Lê Thị Thanh Nh tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với số tiền 168.477.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 10.301.252 đồng, tổng cộng vốn và lãi là: 178.778.252 đồng.

- Buộc ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc H, bà Nguyễn Thị U và bà Võ Thị L liên đới trả cho bà Lê Thị Thanh Nh tiền vốn gốc vay 30.000.000 đồng và tiền lãi là 1.834.300 đồng, tổng cộng vốn và lãi là: 31.834.300 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Nh đối với yêu cầu tính lãi 10%.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc H, bà Nguyễn Thị U và bà Võ Thị L liên đới phải chịu 10.530.627 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thanh Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thanh Nh tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng theo lai thu số 0002251 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Truyền